TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-PT
Ngày 14 - 02 - 2020
V/v kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐ-PT ngày 15/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938; cư trú tại: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hoàng Thúy N; địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Nguyện – Luật sư Văn phòng Luật sư Nghĩa Hiệp thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1978; cư trú tại: Xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện B: Ông Trần Nam S. Chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019; vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1974; cư trú tại: Xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997; cư trú tại: Xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1994; cư trú tại: Xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1967; cư trú tại: Xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị H; cư trú tại: Phường Đ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Hoàng Thúy N; cư trú tại: Xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn M; cư trú tại: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn.

- *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà có một thửa đất số 111, diện tích 209,6m^2, tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn P năm 1982. Năm 2007 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ hay gọi là sổ Bìa đỏ) mang tên bà Nguyễn Thị T. Ngày 15/01/2011, bà họp gia đình bàn bạc về việc tặng cho con trai là Hoàng Văn D, con dâu là Hoàng Thị L và hai cháu Hoàng Văn L, Hoàng Thị H và có đưa ra điều kiện anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm nuôi dưỡng bà khi về già và thống nhất cho chị Hoàng Thị L đứng tên sổ Bìa đỏ. Nội dung thống nhất họp bàn không ghi trong biên bản họp, chỉ bằng lời nói. Sau khi thỏa thuận bà và chị Hoàng Thị L cùng ký Hợp đồng tặng cho được UBND Thị trấn B, huyện B chứng thực ngày 12/01/2012. Đến tháng 3/2012 chị Hoàng Thị L được UBND

huyện B cấp sổ Bìa đỏ thửa đất nêu trên. Năm 2015 chị Hoàng Thị L anh Hoàng Văn D ly hôn, do chị Hoàng Thị L không thực hiện cam kết nuôi dưỡng như đã thỏa thuận nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111, yêu cầu sở hữu tài sản trên đất gồm 01 bức tường bằng đá xây từ năm 1982, cây trồng trên đất từ năm 2011 gồm: 01 cây mác mật và 02 bụi chuối tiêu (08 cây), các cây trồng sau gồm 01 cây đào, 03 cây đu đủ, đồng thời yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho chị Hoàng Thị L đối với thửa đất trên.

Bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Hoàng Văn D là vợ chồng hợp pháp từ năm 1993. Năm 2004 vợ chồng sống ly thân nhau, năm 2006 chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Năm 2010 khi đang ở Malaysia bà Nguyễn Thị T có gọi điện cho chị với nội dung cần tiền nên muốn bán thửa đất số 111 tại Thị trấn B, huyện B, chị đồng ý mua nhưng với điều kiện bà Nguyễn Thị T làm thủ tục sang tên sổ Bìa đỏ cho chị, hai bên thỏa thuận giá trị thửa đất số 111, diện tích 209,6m^2, trị giá 100.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, chị chuyển tiền qua Ngân hàng Đông Á 03 lần và được nhân viên Ngân hàng đến nhà giao tiền cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, do thời gian chuyển đã lâu, cụ thể từng lần không nhớ, không còn lưu biên lai và chứng từ giao dịch chuyển tiền. Năm 2012 chị về nước, hai bên cùng ký kết Hợp đồng tặng cho và được UBND Thị trấn B chứng thực, thủ tục hoàn tất sang tên sổ Bìa đỏ do bà Nguyễn Thị T thực hiện. Ngày 01/03/2012 UBND huyện B đã cấp sổ Bìa đỏ cho chị đối với thửa đất trên. Năm 2013 chị về phép thanh toán số tiền còn lại là 30.000.000 đồng tại nhà bà Nguyễn Thị T, có chị Hoàng Thị H đếm và nhận tiền hộ, bà Nguyễn Thị T có viết một giấy có nội dung ghi số tiền là 100.000.000 đồng (là Giấy di chúc ngày 10/01/2012), sau khi thanh toán thì bà Nguyễn Thị T đưa sổ Bìa đỏ cho chị. Chị khẳng định không được tham gia cuộc họp gia đình ngày 15/01/2011, vì khi đó chị vẫn ở Malaysia, nên không có việc tặng cho tài sản. Việc bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng thửa đất cho chị là có thực tế. Tuy nhiên hai bên ký kết Hợp đồng tặng cho là để cho việc giao dịch được dễ dàng và được bà Nguyễn Thị T tự nguyện thực hiện. Khi chuyển nhượng trên đất đã có tài sản là tường rào và các loại cây ăn quả. Do đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu đòi lại thửa đất và hủy GCNQSDĐ là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T chấm dứt tranh chấp quyền sử dụng đất và công nhận quyền quản lý sử dụng hợp pháp đối với thửa đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất cho chị Hoàng Thị L.

Theo văn bản số 754/UBND-TNMT ngày 02/7/2019 của UBND huyện B và ý kiến của Đại diện UBND huyện B tại phiên tòa: Năm 2007 bà Nguyễn Thị T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 111, diện tích 209,6m^2. Ngày 12/01/2012 bà Nguyễn Thị T đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 111 cho chị Hoàng Thị L, được các bên ký tên và Chủ tịch UBND Thị trấn B ký xác nhận. Ngày 01/3/2012 chị Hoàng Thị L đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số BE 31866 mang tên Hoàng Thị L. Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ là đúng trình tự thủ tục, do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về hủy GCNQSDĐ đã cấp cho chị Hoàng Thị L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; 157; 158; 165; 166 khoản 1, 2 Điều 227; 264; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 106; 107 Luật đất đai 2003; Điều 202; 203 Luật đất đai 2013; Điều 465; khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc đòi lại quyền sử dụng đất, thửa đất số 111 tại Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tài sản gắn liền với đất.

1.2. Công nhận quyền quản lý sử dụng hợp pháp của chị Hoàng Thị L đối với thửa đất số 111 tại Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, tờ bản đồ số 14 của Ủy ban nhân dân Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, (có các điểm A-B-C-D-Đ-E-F-G), diện tích 206.9m^2. Sở hữu tài sản trên đất gồm: một tường rào có điểm C-D dài 11,9m; có điểm D-D1 dài 2,3m; điểm C-C1 dài 2,3m, xây bằng đá hộc, cao 2m, móng cao 30cm, tường cao 1,7m, chiều rộng mặt trên 0,5m chiều rộng móng 0,8m, chiều rộng trung bình 0,65m; 01 cây mác mật; 01 cây bích đào; 02 bụi chuối tiêu có 08 cây; 03 cây đu đủ. (Kèm theo là sơ họa vẽ ngày 10/9/2019).

Buộc chị Hoàng Thị L thanh toán giá trị 01 cây mác mật, 01 cây đào, 02 bụi chuối tiêu (08 cây), 02 cây đu đủ cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.967.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của chị Hoàng Thị L đối với thửa đất trên.

2. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 31866 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho Hoàng Thị L ngày 01/3/2012.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 12/11/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 29/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng đối với bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được quyền quản lý sử dụng đất thửa đất số 111, yêu cầu sở hữu tài sản trên đất gồm 01 bức tường bằng đá xây từ năm 1982, cây trồng trên đất từ năm 2011 gồm: 01 cây mác mật và 02 bụi chuối tiêu (08 cây), các cây

trồng sau gồm 01 cây đào, 03 cây đu đủ, đồng thời yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B đã cấp cho chị Hoàng Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, kháng cáo là hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: xét về trình tự, thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất được UBND thị trấn huyện B chứng thực ngày 12/01/2011, bà Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị L đều xác định thời điểm lập hợp đồng chị Hoàng Thị L không có mặt đang đi xuất khẩu lao động, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T nêu người ký là anh Hoàng Văn C ký thay. Như vậy thủ tục tặng cho thực hiện không đúng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ nên bị vô hiệu dẫn đến việc cấp GCNQSDĐ cho chị Hoàng Thị L không đúng theo quy định của Luật đất đai. Do đó việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về việc thu thập đánh giá chứng cứ và vi phạm về thẩm quyền hủy GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 BLTTDS cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng thẩm quyền.

- Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy: Bà Nguyễn Thị T lập hợp đồng tặng cho chị Hoàng Thị L quyền sử dụng đất thửa đất số 111, diện tích 209,6m^2 được Chủ tịch UBND Thị trấn B chứng thực hợp đồng ngày 12/01/2015 trong khi chị Hoàng Thị L đang đi xuất khẩu lao động tại Malaixia không có mặt chứng thực. Mặt khác trong đơn đề nghị cấp lại GCNQSDĐ ngày 12/01/2012 của chị Hoàng Thị L không có giấy tờ liên quan đến hợp đồng tặng cho, thủ tục cấp đổi không có ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111 không đúng quy định dẫn đến việc tranh chấp. Bản án sơ thẩm nhận định việc tặng cho đúng quy định của Điều 465, khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự và không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được quản lý sử dụng thửa đất số 111 là vi phạm việc đánh giá chứng cứ theo quy định Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, vi phạm khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn để xem xét lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T nộp ngày 12/11/2019 trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về tố tụng: Việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn L đi lao động tự do tại Malaysia, các đương sự không cung cấp được địa chỉ của anh Hoàng Văn L có xác nhận của chính quyền sở tại, do vậy Tòa án không có căn cứ để ủy thác tư pháp, không có căn cứ xác định vụ án liên quan đến đương sự có yếu tố nước ngoài để chuyển thẩm quyền, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn là đúng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, chị Hoàng Thị H vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần 02 đã có lời khai, bản tự khai hoặc đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thấy rằng: Đất tranh chấp có diện tích 209,6m^2, thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính Thị trấn B; địa danh: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn P năm 1982, người đứng tên trong GCNQSDĐ ngày 09/7/2007 là bà Nguyễn Thị T. Tại bản di chúc do bà Nguyễn Thị T lập ngày 10/01/2012 có nội dung thể hiện *"Tôi có một thửa đất tại Thị trấn B thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 14, diện tích 209,6m^2 nay tôi chuyển nhượng cho con dâu Hoàng Thị L số tiền 100.000.000 đồng, từ nay về sau Loan được toàn quyền sở hữu số diện tích đất nói trên"*.

[4] Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/01/2012 có xác nhận của Chủ tịch UBND Thị trấn B nội dung của hợp đồng thể hiện tặng cho riêng chị Hoàng Thị L thửa đất nêu trên, không thể hiện tặng cho chung vợ chồng và hai con của chị Hoàng Thị L; theo lời khai của bà Nguyễn Thị T, bà thừa nhận cũng là người trực tiếp đem hợp đồng đến Ủy ban nhân dân Thị trấn B xin ký chứng thực và hoàn tất thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 01/03/2012 cho chị Hoàng Thị L. Như vậy, việc bà Nguyễn Thị T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Hoàng Thị L về mặt hình thức tuy không phù hợp với khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ nhưng việc lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Hoàng Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự và phù hợp với ý kiến của Đại diện UBND huyện B cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Hoàng Thị L là đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật. Năm 2015 chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn D ly hôn nhau, thời điểm hai vợ chồng xin ly hôn cả hai anh chị đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, tại thời điểm vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn D ly hôn bà Nguyễn Thị T không có thắc mắc hay yêu cầu gì đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Hoàng Thị L. Do vậy, xác định thửa đất 111, tờ bản đồ số 14, diện tích 209,6m^2

được bà Nguyễn Thị T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/01/2012 cho chị Hoàng Thị L là tài sản riêng của chị Hoàng Thị L.

[5] Theo biên bản họp gia đình ngày 15/01/2011, thành phần tham dự cuộc họp gồm có: *"Bà Nguyễn Thị T và các con là chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị H; anh Hoàng Văn D, nội dung biên bản ghi thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14, tại Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn phần đất này tôi tặng cho con trai là Hoàng Văn D, con dâu là Hoàng Thị L và hai cháu Hoàng Văn L, Hoàng Thị H, gia đình đã thống nhất cho con dâu đứng tên sổ đỏ"*. Theo nội dung biên bản họp gia đình không ghi điều kiện anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị T khi về già yếu, lúc chết phải phục hiếu và thờ cúng về sau.

[6] Thời điểm bà Nguyễn Thị T tổ chức họp gia đình và lập biên bản họp gia đình ngày 15/01/2011 chị Hoàng Thị L đang đi xuất khẩu lao động không có mặt tại địa phương, không được tham gia cuộc họp gia đình, không được biết nội dung cuộc họp gia đình và thành phần tham dự cuộc họp không có người làm chứng chỉ có các thành viên trong gia đình bà Nguyễn Thị T và biên bản họp không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có giá trị về mặt pháp lý. Do đó việc bà Nguyễn Thị T cho rằng sau khi được tặng cho do chị Hoàng Thị L không thực hiện cam kết nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi lại diện tích đất đã tặng cho là không có căn cứ.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiện do bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm đã vi phạm việc đánh giá chứng cứ theo quy định của Điều 108 của Bộ luật tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; 157; 158; 165; 166; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 106; 107 Luật đất đai 2003; Điều 202; 203 Luật đất đai 2013; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính Thị trấn B; địa danh: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

1.2. Công nhận quyền quản lý sử dụng hợp pháp của chị Hoàng Thị L đối với diện tích 209,6m^2, thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính Thị trấn B; địa danh: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất có các điểm tiếp giáp ký hiệu A-B-C-D-Đ-E-F-G và quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 tường rào tính từ điểm C-D dài 11,9m; điểm D-D1 dài 2,3m; điểm C-C1 dài 2,3m, xây bằng đá hộc, cao 2m, móng cao 30cm, tường cao 1,7m, chiều rộng mặt trên 0,5m chiều rộng móng 0,8m, chiều rộng trung bình 0,65m; 01 cây mác mật; 01 cây bích đào; 02 bụi chuối tiêu (có 08 cây); 03 cây đu đủ *(Kèm theo sơ họa vẽ ngày 10/9/2019)*.

Buộc chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ thanh toán giá trị 01 cây mác mật, 01 cây đào, 02 bụi chuối tiêu (08 cây), 02 cây đu đủ cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.967.000 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Hoàng Thị L chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị T chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với chị Hoàng Thị L diện tích 209,6m^2, thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính Thị trấn B; địa danh: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 31866 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho Hoàng Thị L ngày 01/3/2012.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số

AA/2015/0000603 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện B, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm